

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/6/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Quang.

Ông Vũ Nguyên Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số 13, đường Sinh Viên, phố Thái Học 2, phường SĐ, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh **Vũ Duy L**, sinh năm 1976

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 13, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nga (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 121 Vũ Khâm Lân, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Duy L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã NgS, huyện TK (nay là thành phố HD), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về vấn đề kinh tế và cả những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2013, do mâu thuẫn, anh L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn chị sang Hàn Quốc xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Năm 2019, chị về nước thì được biết anh L đã đi xuất khẩu lao động ở Nga được vài năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Vũ Thục L, sinh ngày 17/01/2008 và Vũ Minh Q, sinh ngày 26/4/2009. Hiện nay, cháu L đang ở cùng chị còn cháu Q ở cùng ông bà nội. Cháu L có nguyện vọng ở cùng **chị**, cháu Q có nguyện vọng ở cùng bố và ông bà nội. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, chị đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi cháu L, anh L tiếp tục nuôi cháu Q, ông bà nội sẽ hỗ trợ anh L chăm sóc cháu Q cho đến khi anh L về nước, hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Chị hiện đang buôn bán tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 7-8 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Nga nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh L, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh L. Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M là bố mẹ đẻ anh L xác định: Anh L hiện làm ăn, sinh sống tại Nga nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, anh L thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh L biết. Ông bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung giữa vợ chồng chị H, anh L như chị H trình bày là đúng. Kể từ khi anh L đi Nga thì anh L và chị H không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc chị H làm đơn xin ly hôn với anh L, ông bà đã thông báo cho anh L biết. Quan điểm của anh L nhất trí ly hôn theo đề nghị

của chị H và nhất trí để mỗi người nuôi một con, chị H nuôi cháu L, anh L nuôi cháu Q, hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Do hiện nay anh L đang ở Nga **chưa** về nước được **nên** đề nghị ông bà tiếp tục hỗ trợ anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến khi anh L về nước, ông bà nhất trí. Vợ chồng anh L, chị H không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Tại phiên tòa: **Nguyên** đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Trong thời **gian anh L** chưa về nước thì ông bà nội hỗ trợ anh L chăm sóc cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Vũ Duy L;

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Thục L, sinh ngày 17/01/2008 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 26/4/2009 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M hỗ trợ anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi anh L về nước; Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Vũ Duy L. Anh L hiện đang sinh sống và lao động tại Nga. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Nga. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu chị H và gia đình anh L cung cấp địa chỉ, nhưng chị H và gia đình anh L không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh L, ông N, bà M đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh L, ông N, bà M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Duy L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NgS, huyện TK (nay là thành phố HD), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/5/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Thông qua gia đình, anh L có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Vũ Thục L, sinh ngày 17/01/2008 và Vũ Minh Q, sinh ngày 26/4/2009. Hiện nay cháu Q đang ở cùng ông bà nội còn cháu L ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, ông bà nội sẽ hỗ trợ chăm sóc cháu cho đến khi anh L về nước.

Xét đề nghị của chị H, anh L thì thấy: Hiện nay cháu Q đang ở cùng ông bà nội, cháu L ở cùng chị H ổn định. Cháu L có nguyện vọng ở cùng chị H, cháu Q có nguyện vọng ở cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con nên chị H có quan điểm đề nghị mỗi người nuôi một con, anh L cũng nhất trí. Quan điểm của chị H và anh L là hợp lý và thể hiện việc có trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn. Anh L hiện chưa về nước có đề nghị ông N, bà M tiếp tục chăm sóc cháu Q cho đến khi anh về nước, ông bà nhất trí. Do vậy, cần tiếp tục giao con chung là Vũ Thục L, sinh ngày 17/01/2008 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung là Vũ Minh Q, sinh ngày 26/4/2009 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M hỗ trợ anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi anh L về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Vũ Duy L.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Thục L, sinh ngày 17/01/2008; Giao cho anh Vũ Duy L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh Q, sinh ngày

26/4/2009, thời gian từ tháng 6/2022 đến khi các con chung thành niên. Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm chăm sóc cháu Q trong thời gian anh L chưa về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Duy L được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004673 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Anh Vũ Duy L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã NgS, huyện TK (nay là TP Hải Dương), tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa